BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
1	162233434	LÊ QU?	ÂN	K16KTR1	6		6						2.5	0.0	Không	
2	162233437	NGUYỄN CÔNG	ANH	K16KTR1	10		6						4	5.5	Năm phẩy Năm	
3	162233452	PHAN PHƯỚC	CHUNG	K16KTR1	6		2						0.5	0.0	Không	
4	162233467	THÁI VIẾT	DUY	K16KTR1	9		9						5.3	7.0	Bảy	
5	162233471	PHẠM XUÂN	HÀ	K16KTR1	8		2						1	0.0	Không	
6	162233473	TRƯƠNG VIẾT MINH	HẢI	K16KTR1	10		5.5						4.8	5.8	Năm phẩy Tám	
7	162233479	NGUYỄN THỊ THUÝ	HẰNG	K16KTR1	10		7.5						3	0.0	Không	
8	162233483	NGUYỄN	HẬU	K16KTR1	6		8						1.3	0.0	Không	
9	162233486	ĐẶNG QUANG	ĐIỆP	K16KTR1	10		6						3	0.0	Không	
10	162233487	LÊ TRUNG	HIẾU	K16KTR1	6		6						v	0.0	Không	
11	162233489	PHẠM NGỌC	HIẾU	K16KTR1	9		5.5						1.5	0.0	Không	
12	162233494	LÊ NGỌC	HOÀNG	K16KTR1	8		8						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
13	162233496	THÁI BẢO	HOÀNG	K16KTR1	8		7						1.5	0.0	Không	
14	162233502	LÊ QUANG	HÙNG	K16KTR1	8		7						1	0.0	Không	
15	162233510	PHẠM NGUYỄN CÔNG	HUY	K16KTR1	9		4						1.5	0.0	Không	
16	162233520	LÊ ĐỨC	LÂM	K16KTR1	8		9.5						4.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
17	162233523	LÊ THỊ THUỲ	LIÊN	K16KTR1	10		4						4	4.9	Bốn phẩy Chín	
18	162233530	TRẦN HOÀNG	LUÂN	K16KTR1	9		6.5						4	5.5	Năm phẩy Năm	
19	162233534	HỒ THỊ DIỄM	MI	K16KTR1	10		3.5						3.3	0.0	Không	
20	162233537	PHẠM HỒNG	MINH	K16KTR1	5		4						0.5	0.0	Không	
21	162233546	NGUYỄN PHƯỚC	NGHĨA	K16KTR1	10		9						5.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
22	162233551	LÊ HOÀNG QUỐC	NGỮ	K16KTR1	10		7.5						4	6.0	Sáu	
23	162233554	LÊ THỊ	NHÀN	K16KTR1	10		7.5						4	6.0	Sáu	
24	162233558	NGUYỄN TRƯƠNG	PHÚ	K16KTR1	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
25	162233563	PHẠM	PHƯƠNG	K16KTR1	8		6						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
26	162233564	BÙI THỊ LAN	PHƯƠNG	K16KTR1	10		6.5						6.5	7.0	Bảy	
27	162233569	LÊ ĐỨC	QUỐC	K16KTR1	6		3.5						3	0.0	Không	
28	162233572	TRẦN Đ?NH	QUYẾT	K16KTR1	10		4.5						2.5	0.0	Không	
29	162233575	CAO THIÊN	SƠN	K16KTR1	8		7						4	5.5	Năm phẩy Năm	
30	162233576	LỘ THANH	TÂM	K16KTR1	10		5.5						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
31	162233585	HOÀNG MINH	THANH	K16KTR1	7		6						7.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
32	162233593	TRẦN THỊ THANH	THẢO	K16KTR1	10		8						9.8	9.3	Chín phẩy Ba	
33	162233596	NGUYỄN VĂN	THỊNH	K16KTR1	8		6						4	5.2	Năm phẩy Hai	
34	162233612	NGUYỄN HỮU	TIẾP	K16KTR1	6		6						3	0.0	Không	
35	162233616	NGUYỄN NHO	TOÀN	K16KTR1	8		6						3.5	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
36	162233618	HUỲNH MINH	TOÀN	K16KTR1	8		7.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám	
37	162233626	HÀ XUÂN	TRUNG	K16KTR1	8		7						2.8	0.0	Không	
38	162233633	TRẦN DUY	TÙNG	K16KTR1	5		4						5.5	5.0	Năm	
39	162233638	PHẠM BÁ	VINH	K16KTR1	6		5						5.8	5.6	Năm phẩy Sáu	
40	162233642	NGUYỄN THẾ	VŨ	K16KTR1	8		3						5.5	5.1	Năm phẩy Một	
41	162236505	ĐẶNG QUỐC	HUY	K16KTR1	10		5.5						5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
42	162236638	TRẦN VĂN	BẢO	K16KTR1	5		0						5.3	3.7	Ba phẩy Bảy	
43	162236640	ĐẶNG QUANG	LUẬN	K16KTR1	8		4.5						7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
44	162236643	TRẦN THANH	TỊNH	K16KTR1	10		9						6.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
45	162237656	NGUYỄN VIẾT	CƯỜNG	K16KTR1	8		4						1	0.0	Không	
46	142234838	NGUYỄN TRUNG	TÍN	K16KTR2	6		8						4	5.5	Năm phẩy Năm	
47	152232933	HỒ THANH	TUẤN	K16KTR2	10		3.5						3	0.0	Không	
48	162233442	NGUYỄN LÊ DUY	BẢO	K16KTR2	10		9.5						5	7.1	Bảy phẩy Một	
49	162233445	NGUYỄN VIẾT	BIÊN	K16KTR2	0		0						v	0.0	Không	*NỢ HP*
50	162233449	TRẦN THỊ	CHI	K16KTR2	10		7						7.8	7.9	Bảy phẩy Chín	
51	162233461	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16KTR2	6		5						5.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
52	162233464	V? VI ẾT	ĐỨC	K16KTR2	10		6						5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
53	162233468	LÊ NGUYỄN HẠNH	DUYÊN	K16KTR2	10		10						9.8	9.9	Chín phẩy Chín	
54	162233477	NGUYỄN NHẬT	HÂN	K16KTR2	4		0						v	0.0	Không	
55	162233480	ĐINH PHƯƠNG HỒNG	HẠNH	K16KTR2	10		7.5						2.5	0.0	Không	
56	162233481	TRẦN LÝ QUANG	HÀO	K16KTR2	8		6						2.5	0.0	Không	
57	162233484	NGUYỄN	HIỀN	K16KTR2	8		7						3.3	0.0	Không	
58	162233497	LÊ BÁ NHẬT	HOÀNG	K16KTR2	6		7						2.8	0.0	Không	
59	162233499	NGUYỄN DUY	HỢP	K16KTR2	10		6.5						3	0.0	Không	
60	162233504	NGUYỄN QUANG	HÙNG	K16KTR2	7		5						2.5	0.0	Không	
61	162233511	ĐINH QUỐC	HUY	K16KTR2	7		7						5	5.9	Năm phẩy Chín	
62	162233521	NGUYỄN THANH	LÂM	K16KTR2	4		5						3.5	0.0	Không	
63	162233528	TRẦN	LỢI	K16KTR2	10		6						7.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
64	162233535	ĐOÀN QUANG	MINH	K16KTR2	8		6.5						5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
65	162233540	HẠ THỊ THANH	MỸ	K16KTR2	10		7.5						7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
66	162233543	LÊ Đ?NH	NAM	K16KTR2	10		5.5						4.8	5.8	Năm phẩy Tám	
67	162233547	TRƯƠNG CÔNG	NGỌ	K16KTR2	7		0						1	0.0	Không	
68	162233555	TRẦN THỊ MỸ	NHI	K16KTR2	8		5.5						4.5	5.3	Năm phẩy Ba	
69	162233559	NGUYỄN DUY	PHÚC	K16KTR2	10		6						3.5	0.0	Không	
70	162233562	TRƯƠNG THỊ THUÝ	PHƯƠNG	K16KTR2	8		7.5						6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
71	162233570	LÊ PHƯỚC	QUỐC	K16KTR2	8		9						2.5	0.0	Không	
72	162233573	TRẦN HẠ	SAN	K16KTR2	10		6.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám	
73	162233577	ĐẶNG VĂN	TÂN	K16KTR2	10		7						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
74	162233579	NGUYỄN VĂN	TÂY	K16KTR2	8		9.5						5.5	7.1	Bảy phẩy Một	
75	162233590	NGUYỄN QUANG	THÀNH	K16KTR2	10		9.5						6.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
76	162233591	HÀ CÔNG	THÀNH	K16KTR2	5		5						2.5	0.0	Không	
77	162233594	ĐOÀN THƯỢNG	THI	K16KTR2	8		6						5	5.8	Năm phẩy Tám	
78	162233597	NGUYỄN Đ?NH	THÔNG	K16KTR2	10		8						4.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
79	162233602	ĐINH LÝ HOÀI	THƯƠNG	K16KTR2	10		9.5						6.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
80	162233604	NGUYỄN PHẠM SƠN	THUỶ	K16KTR2	8		7						6.8	7.0	Bảy	
81	162233608	NGUYỄN NAM	TIẾN	K16KTR2	8		9						5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
82	162233609	NGUYỄN VŨ	TIẾN	K16KTR2	5		5.5						5	5.2	Năm phẩy Hai	
83	162233613	LÊ HUY	TÍN	K16KTR2	6		9						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
84	162233619	CAO XUÂN	TOÀN	K16KTR2	10		8.5						7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
85	162233624	NGUYỄN MINH	TRÍ	K16KTR2	8		9						5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
86	162233627	NGUYỄN BẢO	TRUNG	K16KTR2	10		5						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
87	162233634	TRỊNH THANH	TÙNG	K16KTR2	10		5.5						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
88	162233639	TRƯƠNG TẤN	VINH	K16KTR2	8		7						4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
89	162233640	THÁI TRẦN HOÀNG	VŨ	K16KTR2	6		8.5						5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
90	162236434	TRẦN QUANG	TƯ	K16KTR2	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một	
91	162236435	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	K16KTR2	10		6.5						5	6.2	Sáu phẩy Hai	
92	162236504	PHẠM VĂN	HOÀ	K16KTR2	0		0						v	0.0	Không	*NỢ HP*
93	162236644	CAO ĐẶNG HUYỀN	TRANG	K16KTR2	10		9.5						7.5	8.5	Tám phẩy Năm	
94	162237617	PHẠM TIẾN	TRUNG	K16KTR2	6		4.5						4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
95	162233436	THÁI THỊ	ANH	K16KTR3	8		8						9.3	8.7	Tám phẩy Bảy	
96	162233441	PHAN TUẤN	ANH	K16KTR3	10		6						9.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
97	162233443	NGUYỄN QUỐC	BẢO	K16KTR3	5		5.5						5	5.2	Năm phẩy Hai	
98	162233446	PHẠM VĂN	CHẤT	K16KTR3	8		6.5						3	0.0	Không	
99	162233450	LÊ VĂN	CHIẾN	K16KTR3	8		6.5						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
100	162233455	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	CƯỜNG		10		5						7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
101	162233456	V? V ĂN	CƯỜNG	K16KTR3	6		5.5						7.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
102	162233462	PHẠM	ĐẠT	K16KTR3	10		7.5						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
103	162233465	HOÀNG QUỐC	DŨNG	K16KTR3	6		4.5						6	5.6	Năm phẩy Sáu	
104	162233469	NGÔ THỊ KIỀU	GIANG	K16KTR3	6		5.5						7.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
105	162233472	NGÔ	HẢI	K16KTR3	10		6						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
106	162233485	TRẦN MINH	HIỂN	K16KTR3	8		4.5						6.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
107	162233492	TRẦN VIẾT	HOÀN	K16KTR3	8		5.5						5	5.6	Năm phẩy Sáu	
108	162233498	NGUYỄN HỒNG	HOÀNG	K16KTR3	6		2.5						6	5.0	Năm	
109	162233503	LƯU VĂN	HÙNG	K16KTR3	10		5						7.3	7.0	Bảy	
110	162233512	PHẠM THỊ	HUYỀN	K16KTR3	8		6.5						7.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
111	162233515	NGUYỄN Đ?NH	KHOA	K16KTR3	10		8.5						4.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
112	162233525	NGUYỄN QUANG	LĨNH	K16KTR3	8		5						4.8	5.3	Năm phẩy Ba	
113	162233529	ĐẶNG HOÀNG	LONG	K16KTR3	10		3						6.5	6.0	Sáu	
114	162233533	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LUY	K16KTR3	8		10						8	8.6	Tám phẩy Sáu	
115	162233544	ĐẶNG THỊ KIM	NGA	K16KTR3	10		9						8.5	8.9	Tám phẩy Chín	
116	162233556	HỒ TUẤN	PHONG	K16KTR3	10		3.5						8	7.0	Bảy	
117	162233561	DƯƠNG PHÚ	PHƯỚC	K16KTR3	8		7.5						4.3	5.8	Năm phẩy Tám	
118	162233567	HOÀNG TRỌNG	QUANG	K16KTR3	10		8.5						8.3	8.6	Tám phẩy Sáu	
119	162233574	PHẠM NGỌC	SINH	K16KTR3	8		9						v	0.0	Không	
120	162233578	NGUYỄN MINH	TÂN	K16KTR3	10		8.5						8	8.5	Tám phẩy Năm	
121	162233581	LÊ HOÀNG VIẾT	THẮNG	K16KTR3	8		6.5						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
122	162233584	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	K16KTR3	10		7						5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
123	162233587	NGÔ VIỆT	THANH	K16KTR3	8		5.5						8	7.3	Bảy phẩy Ba	
124	162233589	VŨ ĐỨC	THÀNH	K16KTR3	5		3.5						6.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
125	162233598	LÊ NGỌC	THU	K16KTR3	10		9.5						7.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
126	162233601	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	K16KTR3	8		9.5						8.8	8.9	Tám phẩy Chín	
127	162233606	PHẠM THỊ LAM	THUYÊN	K16KTR3	10		8						8.8	8.7	Tám phẩy Bảy	
128	162233610	NGUYỄN TÀI	TIẾN	K16KTR3	10		6						6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
129	162233614	VŨ VĂN	TỈNH	K16KTR3	9		6.5						3.5	0.0	Không	
130	162233617	GIANG VĂN	TOÀN	K16KTR3	8		4						6.3	5.9	Năm phẩy Chín	
131	162233620	HUỲNH THỊ THÙY	TRANG	K16KTR3	10		4						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
132	162233628	THÁI LÂM	TRƯỜNG	K16KTR3	10		4.5						6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
133	162233630	NGUYỄN VĨNH	TUẤN	K16KTR3	8		6						3	0.0	Không	
134	162233644	PHAN BÁ	VƯƠNG	K16KTR3	10		5.5						3	0.0	Không	
135	162236641	DƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	K16KTR3	10		6						4.3	5.7	Năm phẩy Bảy	
136	162236709	NGÔ THỊ	ANH	K16KTR3	6		4.5						5.3	5.2	Năm phẩy Hai	
137	162236834	TÔ NGỌC	QUỐC	K16KTR3	8		5.5						4.3	5.2	Năm phẩy Hai	
138	162236915	LÊ THẾ	PHƯƠNG	K16KTR3	8		6.5						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
139	162236916	LÊ XUÂN	THÀNH	K16KTR3	10		4						5	5.5	Năm phẩy Năm	
140	162237005	TRƯƠNG XUÂN	VINH	K16KTR3	10		8						5.3	6.8	Sáu phẩy Tám	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
141	152233019	NGÔ THỊ	GIANG	K16KTR4	8		7.5						8.3	8.0	Tám	
142	162233439	NGUYỄN ĐỨC	ANH	K16KTR4	10		5						3	0.0	Không	
143	162233444	PHÙNG QUỐC	BẢO	K16KTR4	10		6						4	5.5	Năm phẩy Năm	
144	162233447	NGUYỄN THỊ MỸ	CHÂU	K16KTR4	8		2						1.5	0.0	Không	
145	162233451	TRẦN HỮU	CHINH	K16KTR4	8		4.5						v	0.0	Không	
146	162233454	TRẦN VĂN	CƯỜNG	K16KTR4	10		4.5						3.5	0.0	Không	
147	162233466	NGUYỄN THỊ HƯỚNG	DƯƠNG	K16KTR4	10		7						7.8	7.9	Bảy phẩy Chín	
148	162233470	NGUYỄN	GIÀU	K16KTR4	6		4.5						6	5.6	Năm phẩy Sáu	
149	162233474	PHẠM THANH	HẢI	K16KTR4	10		4.5						3.3	0.0	Không	
150	162233475	ĐỖ VĂN	HẢI	K16KTR4	10		6.5						4	5.7	Năm phẩy Bảy	
151	162233491	NGUYỄN VĂN	HIẾU	K16KTR4	7		0						3.5	0.0	Không	
152	162233501	CAO MẠNH	HÙNG	K16KTR4	10		6						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
153	162233505	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	K16KTR4	8		5						6.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
154	162233526	LÊ VĂN	LỘC	K16KTR4	6		2.5						v	0.0	Không	
155	162233541	NGUYỄN LÊ	NA	K16KTR4	10		9						8.3	8.8	Tám phẩy Tám	
156	162233545	LÊ MỸ	NGÂN	K16KTR4	8		8.5						6	7.1	Bảy phẩy Một	
157	162233549	TRẦN ĐỖ ÁNH	NGỌC	K16KTR4	10		9						5	7.0	Bảy	
158	162233553	HỒ VĂN	NHÀN	K16KTR4	8		2.5						5.5	5.0	Năm	
159	162233557	PHẠM CHÂU	PHONG	K16KTR4	6		4						3	0.0	Không	
160	162233560	THIỀU QUANG	PHƯỚC	K16KTR4	5		5.5						6	5.7	Năm phẩy Bảy	
161	162233565	NGUYỄN NGỌC NHẤT	PHƯƠNG	K16KTR4	8		5						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
162	162233568	NGÔ Đ?NH	QUẾ	K16KTR4	8		5.5						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
163	162233580	V? ĐỨC	THẮNG	K16KTR4	5		3.5						5.3	4.7	Bốn phẩy Bảy	
164	162233583	TRẦN PHƯỚC	THANH	K16KTR4	8		6.5						5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
165	162233588	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	K16KTR4	10		4						5.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
166	162233592	NGUYỄN QUỐC	THẠNH	K16KTR4	8		2						4	4.0	Bốn	
167	162233603	PHẠM THƯƠNG	THƯƠNG	K16KTR4	6		7						6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
168	162233607	TRẦN THỦY	TIÊN	K16KTR4	6		3.5						4.8	4.6	Bốn phẩy Sáu	
169	162233611	TRẦN NGỌC	TIẾN	K16KTR4	10		7.5						5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
170	162233615	LÊ THANH	TỊNH	K16KTR4	10		6.5						2	0.0	Không	
171	162233621	NGUYỄN THẾ BÍCH	TRANG	K16KTR4	10		7.5						v	0.0	Không	
172	162233629	TRẦN CÔNG	TRƯỜNG	K16KTR4	10		5						4.8	5.6	Năm phẩy Sáu	
173	162233632	NGUYỄN THANH	TUẤN	K16KTR4	10		7.5						5	6.5	Sáu phẩy Năm	
174	162233637	HOÀNG ANH	VIỆT	K16KTR4	5		3						5	4.4	Bốn phẩy Bốn	
175	162233641	LÊ MINH	VŨ	K16KTR4	8		3						0.3	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
176	162233643	V? Đ?NH	VƯƠNG	K16KTR4	5		5						3.3	0.0	Không	
177	162236506	NGUYỄN VĂN	MẠNH	K16KTR4	8		8						v	0.0	Không	
178	162236639	NGUYỄN QUANG	HIẾU	K16KTR4	6		5.5						1	0.0	Không	
179	162236835	NGUYỄN CHÍ DUY	THÀNH	K16KTR4	8		6						7.3	7.0	Bảy	
180	162237421	LÊ XUÂN	QUYỀN	K16KTR4	10		5.5						0.3	0.0	Không	
181	142231381	HỒ TRẦN	DANH	K16KTR5	0		0						v	0.0	Không	
182	152232914	NGÔ	TIN	K16KTR5	7		6.5						2.8	0.0	Không	
183	152232918	CẤN NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	7		5						6.3	6.0	Sáu	
184	152232965	TRỊNH NGỌC HUY	TOÀN	K16KTR5	9		6						4.8	5.8	Năm phẩy Tám	
185	152233015	NGUYỄN ĐĂNG	NHẬT	K16KTR5	0		0						v	0.0	Không	*NỢ HP*
186	152233060	PHAN TẤN PHÚ	QUỐC	K16KTR5	9		5.5						4.3	5.4	Năm phẩy Bốn	
187	162233435	V? NG ỌC QUỲNH	ANH	K16KTR5	7		6.5						7.3	7.0	Bảy	
188	162233453	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	9		5.5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
189	162233457	V? BÁ	DANH	K16KTR5	8		2						6	5.1	Năm phẩy Một	
190	162233459	V? TI ẾN	ĐẠT	K16KTR5	8		7.5						5	6.2	Sáu phẩy Hai	
191	162233460	LƯƠNG TẤN	ĐẠT	K16KTR5	9		5.5						5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
192	162233476	PHAN QUỐC	HÂN	K16KTR5	10		8						5.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
193	162233478	NGUYỄN	H?NG	K16KTR5	10		7.5						1.5	0.0	Không	
194	162233482	NGUYỄN NHẬT	HẬU	K16KTR5	9		5.5						4	5.2	Năm phẩy Hai	
195	162233488	NGÔ VĂN	HIẾU	K16KTR5	6		3						1.8	0.0	Không	
196	162233493	ĐẶNG MINH	HOÀNG	K16KTR5	10		7						6.3	7.1	Bảy phẩy Một	
197	162233495	NGUYỄN TRI BẢO	HOÀNG	K16KTR5	7		7.5						2.8	0.0	Không	
198	162233500	V? TH Ị	HUỆ	K16KTR5	10		10						8.8	9.3	Chín phẩy Ba	
199	162233507	NGÔ VĂN	HUY	K16KTR5	9		7						3	0.0	Không	
200	162233508	TRẦN KIM	HUY	K16KTR5	7		4.5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
201	162233514	NGÔ THÁI QUỐC	KHÁNH	K16KTR5	9		5						1	0.0	Không	
202	162233516	BÙI QUANG	KHOA	K16KTR5	8		6.5						2.8	0.0	Không	
203	162233517	LƯU TỐNG ĐĂNG	KHOA	K16KTR5	10		5.5						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
204	162233518	TRẦN PHƯỚC	KỸ	K16KTR5	10		5						5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
205	162233519	TRƯƠNG VĂN	LÂM	K16KTR5	8		2.5						5.3	4.9	Bốn phẩy Chín	
206	162233522	TRẦN VIẾT	LIÊM	K16KTR5	10		5.5						2	0.0	Không	
207	162233524	LÊ NHẤT	LINH	K16KTR5	9		8						5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
208	162233532	V? GIA	LƯU	K16KTR5	8		7						4.8	5.9	Năm phẩy Chín	
209	162233539	NGUYỄN TẤN	MỸ	K16KTR5	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm	
210	162233599	NGUYỄN THỊ	THUẬN	K16KTR5	10		6.5						8.3	8.0	Tám	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ * SỐ TÍN CHỈ : 01
M? MÔN : CHE - 100 Học kỳ : 3
Thời gian : 07h00 - 09/10/2011 **Lần thi : 1**

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
211	162233622	PHẠM QUỐC	TRÍ	K16KTR5	9		6						8.3	7.7	Bảy phẩy Bảy	
212	162233623	NGUYỄN QUANG	TRÍ	K16KTR5	8		6.5						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
213	162233645	V? KHÁNH	VỴ	K16KTR5	10		9						7	8.1	Tám phẩy Một	
214	162236642	NGUYỄN THỊ THANH	THUỶ	K16KTR5	10		7.5						5.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
215	162237347	HỒ THỊ MINH	PHƯƠNG	K16KTR5	8		7.5						3.5	0.0	Không	
1	1432	NGUYỄN NHẬT	TÂN	K14KTR2	6		6.5						1.8	0.0	Không	*16777/330*

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	149	69%	
2	Số sinh viên nợ	67	31%	
TỔNG CỘNG :		**216**	**100%**	

Đà Nẵng, 19/10/2011

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA	L?NH ĐẠO KHOA	PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
		(K? và ghi r? họ tên)	*(K? và ghi r? họ tên)*
V? QU ỐC TOÀN	TRẦN THỊ LAN ANH	VƯU HỮU THẠNH	ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ